

Bản án số: 40/2019/HS-PT

Ngày: 21-02-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liên**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Thế Cẩm**

Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quyết Thắng**- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 298/2018/TLPT-HS ngày 19 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Lê Văn T; do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 63/2018/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

- Bị cáo có kháng cáo: **Lê Văn T** (T Điều)- Sinh ngày 29 tháng 11 năm 1996, tại thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; Hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đ và bà Huỳnh Thị T;

Tiền sự: không; Tiền án: Ngày 13/8/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Đ (nay là thị xã Đ) xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 04/8/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Đ xử phạt 1 năm 3 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Nhân thân: Ngày 29/6/2018 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh P xử phạt 3 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam H đóng tại xã P, huyện G, tỉnh B, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00h ngày 08/12/2017, Lê Văn T đi bộ ngang qua nhà ông Trần Văn L thì phát hiện xe mô tô hiệu Medal màu xanh BKS 92N-6179 của anh L để trước hiên nhà nên T nảy sinh ý định trộm cắp. T lên vào dắt xe mô tô trên ra đường và chạy xe lên hướng xã T, thị xã Đ. Khi đi ngang qua đoạn nhà ông Nguyễn Tam N thuộc thôn N, xã T, thị xã Đ, T biết nhà ông N có nhiều xe mô tô nên nảy sinh ý định trộm cắp xe. T chạy xe máy vừa trộm được đến cất giấu tại đường bê tông cách nhà ông N khoảng 30m rồi đi bộ quay lại nhà ông N. T đi bộ ra sau nhà, dùng tay mở khóa cửa sau rồi đột nhập vào bên trong nhà. Khi đi lên trên, T nhìn thấy 01 xe máy hiệu Sirius màu trắng xanh BKS 92D1-399.90 của ông N, trên xe có cắm chìa khóa nên T mở cửa trước và dắt xe mô tô trên ra ngoài, cất giấu cùng chỗ xe hiệu Medal rồi quay lại nhà ông N. T vào phòng khách và phát hiện một chìa khóa xe máy nên cắm vào xe mô tô hiệu Airblade màu đỏ đen BKS 92D1-365.95 của chị Đỗ Thị Thanh L1 là con dâu ông N, rồi dắt xe ra khỏi nhà. T điều khiển xe mô tô hiệu Airblade về nhà nghỉ H thuộc thị trấn N, huyện D và ngủ qua đêm tại đó. Khoảng 6h30 cùng ngày, nhận được thông tin từ ông Phạm Phú L2 nên ông N tìm thấy 02 xe máy hiệu Sirius màu trắng xanh BKS 92D1-399.90 và hiệu Medal màu xanh BKS 92N-6179 và báo cáo cơ quan chức năng. Đến 9h cùng ngày, T liên lạc với Thái Văn T1 nhờ tiêu thụ giúp nhưng T1 không đồng ý và báo với anh Nguyễn Tam T2 là con của ông N và giao xe mô tô hiệu Airblade trên cho T2.

Căn cứ Kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã Đ xác định: **01** (một) xe máy hiệu Medal màu xanh BKS 92N-6179 đã qua sử dụng trị giá 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); **01** (một) xe máy hiệu Sirius màu trắng xanh BKS 92D1-399.90 đã qua sử dụng trị giá 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng); **01** (một) xe mô tô hiệu Airblade màu đỏ đen BKS 92D1-365.95 đã qua sử dụng trị giá 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng). Tổng giá trị các tài sản thiệt hại là **43.000.000 đồng**.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 63/2018/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 03 (ba) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù của Bản án số 56/2018/HSST ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh P, buộc bị cáo Lê Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 23 tháng 02 năm 2018, được trừ vào thời hạn tạm giữ trước từ ngày 09/01/2018 đến ngày 18/01/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của bị

cáo.

Ngày 19/11/2018, bị cáo Lê Văn T kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Văn T giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án: Xét kháng cáo của bị cáo T thấy rằng: Bị cáo T thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng giá trị tài sản là 43.000.000 đồng, phạm tội với tình tiết tái phạm nguy hiểm nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Bị cáo phạm tội với tình tiết phạm tội nguy hiểm nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Bị cáo không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Văn T có đơn kháng cáo trong hạn luật định theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Văn T khai nhận: Vào khoảng 00h10' ngày 08/12/2017, Lê Văn T đã lén lút, đột nhập vào nhà ông Trần Văn L thuộc thôn A, xã P, thị xã Đ chiếm đoạt 01 (một) xe máy hiệu Medal màu xanh BKS 92N-6179. Tiếp tục đột nhập vào nhà ông Nguyễn Tam N thuộc thôn N, xã T, thị xã Đ chiếm đoạt 01 (một) xe máy hiệu Sirius màu trắng xanh BKS 92D1-399.90, 01 (một) xe mô tô hiệu Airblade màu đỏ đen BKS 92D1-365.95.

[2.2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng; phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo T thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng giá trị tài sản là 43.000.000 đồng. Năm 2014 bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản đến năm 2016 tiếp tục phạm tội và bị kết án, đến ngày 08/12/2017 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bị đưa ra xét xử. Trường hợp này là bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về

tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ pháp luật.

[2.3] Xét kháng cáo của bị cáo thì thấy: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; áp dụng đầy đủ tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; đánh giá tiền sự và nhân thân để làm căn cứ xử phạt bị cáo Lê Văn T 03 (ba) năm tù là có căn cứ và không nặng. Trong quá trình kháng cáo cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[3] Do kháng cáo của bị cáo Lê Văn T không được chấp nhận nên bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt;

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 03 (ba) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù của Bản án số 56/2018/HSST ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh P, buộc bị cáo Lê Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **06 (sáu)** năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 23 tháng 02 năm 2018, được trừ vào thời hạn tạm giữ trước từ ngày 09 tháng 01 năm 2018 đến ngày 18 tháng 01 năm 2018.

Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 21-02-2019).

Nơi nhận:

- *Người tiến hành tố tụng*
- *Người tham gia tố tụng*
- *Sở Tư pháp Qnam;*
- *Phòng PV 27 CA Q.Nam;*
- *Trạm giam Công an tỉnh Qnam;*
- *Lưu: HS, VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên

-